

Đồng Nai, ngày 13 tháng 10 năm 2026

BÁO CÁO

Tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình về dự thảo Quyết định ban hành Quy định mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho người có đất thu hồi trên địa bàn thành phố Đồng Nai

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Nội vụ đã tổ chức lấy ý kiến Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam thành phố và các sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp xã đối với dự thảo Tờ trình Quyết định và dự thảo Quyết định ban hành Quy định mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho người có đất thu hồi trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

1. Sở Nội vụ đã gửi xin ý kiến góp ý đối với 105 đơn vị và đã nhận được văn bản góp ý của **37 đơn vị**, gồm: Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tư pháp; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Xây dựng; Trung tâm Phát triển quỹ đất; UBND các xã/phường: An Lộc, Bình Long, Hố Nai, Long Khánh, Phước Bình, Phước Long, Tam Phước, Trảng Dài, Trảng Biên, Trị An, An Phước, Cẩm Mỹ, Đa Kia, Đại Phước, Đồng Tâm, Hưng Thịnh, Lộc Thành, Lộc Thạnh, Nha Bích, Phú Hòa, Phú Nghĩa, Phú Vinh, Sông Ray, Tà Lài, Tân An, Tân Lợi, Tân Quan, Thiện Hưng, Thọ Sơn, Xuân Đường, Xuân Phú, Xuân Thành.

Các đơn vị khác không gửi ý kiến góp ý bằng văn bản, có nghĩa thống nhất với các dự thảo.

2. Kết quả cụ thể như sau:

Stt	Cơ quan góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
1	Sở Tư pháp	Phần I: sự cần thiết, thẩm quyền và hiệu lực văn bản sau sắp xếp đơn vị hành chính.	Tiếp thu. Thuyết minh nhiệm vụ được giao tại điểm b khoản 4 Điều 109 của Luật Đất đai; sự cần thiết thay thế Quyết định số 72/2024/QĐ-UBND để thống nhất áp dụng trên địa bàn thành phố.

2	Sở Tư pháp	Phần II.1.a: cập nhật, chuẩn hóa căn cứ Luật Đất đai; bổ sung các Luật số 116/2025/QH15, 130/2025/QH15, 142/2025/QH15.	Tiếp thu việc bổ sung, ghi đúng “Luật số” và “được sửa đổi, bổ sung bởi”; giữ các Luật số 146/2025/QH15, 147/2025/QH15 trong chuỗi viện dẫn. Không đưa “Luật số 164/2025/QH15” vào dự thảo
3	Sở Tư pháp	Phần II.1.a: sửa căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 88/2024/NĐ-CP, Nghị định số 238/2025/NĐ-CP; không ghi ngày ban hành trong căn cứ.	Tiếp thu. Bỏ cụm “một số điều” trong cách ghi quan hệ sửa đổi; nêu cụ thể các Nghị định số 151/2025/NĐ-CP, 226/2025/NĐ-CP, 49/2026/NĐ-CP; bổ sung Nghị định số 66/2026/NĐ-CP cho Nghị định số 238/2025/NĐ-CP. Bỏ cách ghi “các nghị định có liên quan”.
4	Sở Tư pháp	Phần II.1.a: gộp căn cứ Quyết định số 05/2022/QĐ-TTg vào căn cứ Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg; rút gọn đoạn đề nghị, câu ban hành.	Tiếp thu. Chỉ ghi một căn cứ tín dụng học sinh, sinh viên có quan hệ sửa đổi; dùng câu “Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ;” và “Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định...”. Không điền số, ngày báo cáo thẩm định khi chưa có kết quả thẩm định.
5	Sở Tư pháp	Phần II.1.b: gộp chuyển tiếp vào điều hiệu lực thi hành.	Tiếp thu bố cục: Quyết định gồm 03 điều; chuyển tiếp tại khoản 3 Điều 2. Nội dung được chỉnh theo ý kiến Sở Tài chính, Trung tâm Phát triển quỹ đất để bảo lưu phần hồ trợ đã phê duyệt.
6	Sở Tư pháp	Phần II.1.c,d: kết thúc bằng dấu chấm; bổ sung Sở Tư pháp và số lượng bản lưu tại nơi nhận.	Tiếp thu. Sửa dấu kết thúc Quyết định; nơi nhận thống nhất “Như Điều 3”; bổ sung Sở Tư pháp và dòng “Lưu: VT, KGVX (...b)”. Số bản lưu và ký hiệu lưu.
7	Sở Tư pháp	Phần II.2.a,b: đánh số trang riêng Quy định; sửa chú thích văn bản kèm theo.	Tiếp thu. Quyết định và Quy định mở trang riêng, đánh số trang riêng, không hiện số trang đầu; chú thích “(Ban hành kèm theo Quyết định số .../2026/QĐ-UBND)”.
8	Sở Tư pháp	Phần II.2.c: bỏ cụm các văn bản quy định chi tiết tại đối tượng; gộp các khoản 3, 4 vào đối tượng áp dụng.	Tiếp thu. Khoản 2 Điều 1 Quy định xác định người thuộc hộ gia đình, cá nhân theo khoản 2, khoản 3 Điều 109 và nhóm cơ quan, tổ chức liên quan.

9	Sở Tư pháp	Phần II.2.d: khoản 1, khoản 2 Điều 4 Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg có các nhóm đặc thù; cần làm rõ phạm vi và chống hỗ trợ trùng.	Tiếp thu, giải trình rõ. Khoản 3 Điều 4 là căn cứ cho nhóm có đất thu hồi; khoản 1, khoản 2 chỉ được áp dụng khi chính người có đất thu hồi đồng thời thuộc nhóm đó, theo nguyên tắc mức cao nhất tại khoản 7 Điều 4. Không đưa người ngoài phạm vi khoản 2 Điều 1 vào dự thảo.
10	Sở Tư pháp	Phần II.2.d,đ: bỏ khoản dự liệu Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg hết hiệu lực; chuẩn hóa viện dẫn trong toàn văn.	Tiếp thu. Bỏ quy định trùng; khoản 2 Điều 2 Quyết định bao quát việc sửa đổi, bổ sung, thay thế. Lần viện dẫn đầu trong Quy định nêu tên văn bản, số, ký hiệu, tên gọi và quan hệ sửa đổi; các lần tiếp theo dùng số, ký hiệu theo quy định.
11	Sở Tư pháp	Phần II.2.e: bỏ cụm “tối đa” tại mức vay tạo việc làm.	Tiếp thu theo hướng dẫn chiếu trực tiếp khoản 2, khoản 4, khoản 5 Điều 5 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP, không ấn định 200 triệu đồng là khoản vay cố định. Quy định cấp trên xác định mức trần và giao ngân hàng quyết định mức vay cụ thể.
12	Sở Tư pháp	Phần II.2.g: dẫn chiếu mức hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài, tránh sao chép quy định cấp trên.	Tiếp thu. Bỏ danh sách số tiền sao chép; dẫn khoản 1 đến khoản 4 Điều 30; bổ sung khoản 6 về nguyên tắc, Điều 4, Điều 31, Điều 32 về thẩm quyền, hồ sơ, thủ tục. Không đề xuất mức cao hơn thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND theo khoản 5 Điều 30.
13	Sở Tư pháp	Phần II.2.h,i,k,l: gộp nội dung hỗ trợ một lần; tiếp thu cơ quan tài chính; đổi tên Chương V, điều trách nhiệm; sửa dấu kết thúc.	Tiếp thu. Điều 2 quy định riêng thời hạn, nguyên tắc, điều kiện; bỏ Điều 7 cũ bị trùng; gộp hỗ trợ học nghề nên đánh lại số điều. Chương V là “TỔ CHỨC THỰC HIỆN”; Điều 7 là “Trách nhiệm thực hiện”. Kinh phí, nguồn vốn và nhiệm vụ Sở Tài chính được chỉnh theo góp ý.
14	Sở Tư pháp	Phần II.3.a–d: trích yếu, mở đầu, kính gửi và bố cục Tờ trình theo Mẫu số 02 Phụ lục IV.	Tiếp thu. Trích yếu phản ánh đúng dự thảo Quyết định ban hành Quy định; không kẻ ngang dưới trích yếu; không đặt dấu chấm cuối dòng kính gửi; mở đầu theo mẫu. Đề mục lớn in đậm, số thứ tự và tiêu đề các khoản trình bày chữ thường, không in đậm.

15	Sở Tư pháp	Phần II.3.đ,e,g,h,i,k: sửa quy trình rút gọn; bỏ mục nội dung mới nếu chưa phát sinh; sửa kết thúc, thành phần hồ sơ và nơi nhận.	Tiếp thu. Tờ trình hiện ở giai đoạn gửi thẩm định, không xác nhận đã có báo cáo thẩm định; bỏ thời hạn lấy ý kiến mặc định 30 ngày và đăng bảng tổng hợp 10 ngày trong bản cũ; dùng thời hạn lấy ý kiến theo thủ tục rút gọn. Bỏ mục không phát sinh, đánh lại mục nguồn lực. Bổ sung bản so sánh, thuyết minh; nêu báo cáo thẩm định, báo cáo tiếp thu thẩm định bổ sung khi trình ban hành; bổ sung Văn phòng UBND thành phố.
16	Sở Tư pháp	Phần III: Trình tự, thủ tục thực hiện	Tiếp thu yêu cầu hoàn thiện hồ sơ.
17	Sở Tài chính	Mục 1, 2: chuẩn hóa viện dẫn; cân nhắc tên gọi theo Điều 109 Luật Đất đai.	Tiếp thu. Thống nhất tên “mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm” trong toàn bộ hồ sơ; các hình thức đào tạo nghề, việc làm trong nước, đi làm việc ở nước ngoài vẫn được quy định đủ tại các điều.
18	Sở Tài chính	Mục 3.a: bố cục chuyển tiếp.	Tiếp thu. Đưa chuyển tiếp vào khoản 3 Điều 2 Quyết định theo hướng thống nhất với ý kiến Sở Tư pháp; không giữ một điều chuyển tiếp riêng nằm giữa các điều thi hành.
19	Sở Tài chính	Mục 3.b: phương án đã phê duyệt phải được xử lý theo pháp luật đất đai, Nghị quyết số 254/2025/QH15; lấy ý kiến ngân hàng về chuyển tiếp vốn vay.	Tiếp thu. Bảo lưu nội dung hỗ trợ đã được phê duyệt; hồ sơ chưa phê duyệt áp dụng mới với ngoại lệ rõ; khoản vay và hợp đồng đặt hàng xử lý riêng. Không cho rằng hồ sơ chưa có quyết định hỗ trợ cá nhân mặc nhiên áp dụng mức mới dù đã nằm trong phương án phê duyệt.
20	Sở Tài chính	Mục 4, 5: gộp đối tượng; phân biệt thời hạn, nguyên tắc, điều kiện với biện pháp hỗ trợ.	Tiếp thu. Điều 1 gồm phạm vi và đối tượng; Điều 2 gồm thời hạn, nguyên tắc, điều kiện. Chuyển nội dung hỗ trợ theo từng trình độ đào tạo sang Điều 3.

21	Sở Tài chính	Mục 6, 7: tên Chương II, III; gộp hỗ trợ đào tạo; vay vốn học sinh, sinh viên áp dụng cho cả sơ cấp, dưới 03 tháng, trung cấp, cao đẳng.	Tiếp thu. Tên các chương thể hiện mức hỗ trợ. Điều 3 quy định đủ các trình độ, học phí và tín dụng học sinh, sinh viên; bỏ khoản dự liệu hết hiệu lực trùng lặp. Khoản 3 Điều 3 dẫn khoản 3 Điều 5 Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg và Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg được sửa đổi bởi Quyết định số 05/2022/QĐ-TTg.
22	Sở Tài chính	Mục 8: xác định nguồn vốn tạo việc làm và căn cứ mức vay 200 triệu đồng.	Tiếp thu theo pháp luật hiện hành. Điều 4 quy định vay từ nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm tại Ngân hàng Chính sách xã hội, dẫn Điều 5 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP. Điều 6 làm rõ nguồn trung ương, địa phương ủy thác và nguồn hợp pháp; cập nhật việc chuyển nguồn Quỹ quốc gia về việc làm theo Điều 36.
23	Sở Tài chính	Mục 9: gộp hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài và vay vốn; viện dẫn Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg.	Tiếp thu về bố cục và căn cứ chính sách. Điều 5 tách hỗ trợ trực tiếp với vốn vay; dẫn Điều 8 Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg, đồng thời cập nhật Chương III Nghị định số 338/2025/NĐ-CP cho nội dung tín dụng đã được Nghị định quy định.
24	Sở Tài chính	Mục 10, 11: bỏ trùng hỗ trợ một lần; thống nhất nguồn kinh phí với các chính sách cho vay.	Tiếp thu. Nguyên tắc một lần tại Điều 2; khoản 2, khoản 3 Điều 6 phân định nguồn vốn cho vay theo từng chương trình với hỗ trợ trực tiếp. Bổ sung nguồn tín dụng học sinh, sinh viên.
25	Sở Tài chính	Mục 12: Sở Tài chính không tính toán chi phí hỗ trợ trong phương án.	Tiếp thu. Khoản 2 Điều 7 chỉ giao Sở Tài chính tham mưu bố trí kinh phí địa phương ủy thác trên cơ sở nhu cầu ngân hàng và khả năng cân đối. Việc lập, tổng hợp và trình kinh phí phương án được giao đơn vị thực hiện nhiệm vụ bồi thường phối hợp UBND cấp xã theo nhiệm vụ, thẩm quyền.
26	Sở Tài chính	Mục 13: Số liệu kinh phí hỗ trợ trực tiếp, kết quả và nguồn vốn vay hiện có; dự toán hằng năm giai đoạn 2026–2031.	Tiếp thu và bổ sung. Tờ trình đã tách hỗ trợ trực tiếp, tín dụng, dư nợ và vốn phải bổ sung; Không coi vốn ủy thác chung là vốn dành riêng cho người có đất thu hồi hoặc coi dư nợ là nhu cầu cấp mới.

27	Sở Giáo dục và Đào tạo	Mục 1: Cơ bản thống nhất dự thảo.	Ghi nhận ý kiến; tiếp tục giữ đầy đủ các hình thức hỗ trợ theo cơ chế của Trung ương, điều chỉnh kỹ thuật và nội dung trên cơ sở các ý kiến chi tiết khác.
28	Sở Giáo dục và Đào tạo	Mục 2: theo Mẫu số 20; bỏ đường kẻ dưới tên Quyết định; bỏ ngày, tháng, năm ở căn cứ.	Tiếp thu. Giữ hai phần Quyết định và Quy định ban hành kèm theo; chuẩn hóa thể thức, tên loại, trích yếu, căn cứ và dòng ban hành; không kẻ ngang dưới tiêu đề văn bản. Các văn bản sửa đổi được nêu cụ thể theo yêu cầu Sở Tư pháp.
29	Trung tâm Phát triển quỹ đất và phường Trị An	Mục 1: nhiều người trong hộ, nhiều thửa hoặc nhiều đợt thu hồi, đồng sử dụng đất, biến động người sử dụng đất.	Tiếp thu về cơ chế kiểm tra, phối hợp. Giữ phạm vi khoản 2, khoản 3 Điều 109, không đặt công thức phân chia suất theo diện tích hoặc hạn mức một người/hộ. Khoản 6 Điều 7 giao UBND cấp xã phối hợp đối chiếu hồ sơ đất đai, thông tin thành viên hộ, quyết định thu hồi và tình trạng đã hưởng hỗ trợ; việc nhiều thửa, nhiều đợt không làm phát sinh hỗ trợ lặp lại tại khoản 2 Điều 2.
30	Trung tâm Phát triển quỹ đất và phường Trị An	Mục 2: xác định thời điểm đủ điều kiện, nhu cầu phát sinh trong 05 năm.	Tiếp thu. Giữ mốc thời hạn theo quyết định thu hồi đất; khoản 4 Điều 6, điểm c khoản 6 Điều 7 quy định rà soát nhu cầu phát sinh trong thời hạn hỗ trợ, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, điều chỉnh phương án.
31	Trung tâm Phát triển quỹ đất và phường Trị An	Mục 3: căn cứ xác định học phí, chi phí; tiếp nhận, kiểm tra; thời điểm xác định, thay đổi học phí sau phê duyệt.	Tiếp thu trong phạm vi tổ chức thực hiện. Khoản 2 Điều 3 xác định mức thực tế và trần; khoản 4 Điều 6 quy định điều chỉnh theo thẩm quyền. Khoản 3, khoản 6, khoản 7, khoản 8 Điều 7 phân công cung cấp thông tin, kiểm tra, tổng hợp phương án, quản lý chứng từ.
32	Trung tâm Phát triển quỹ đất và phường Trị An	Mục 4: thủ tục vay vốn tạo việc làm theo pháp luật tín dụng, không tính vào phương án bồi thường.	Tiếp thu. Khoản 2 Điều 4 dẫn Chương II Nghị định số 338/2025/NĐ-CP và hướng dẫn ngân hàng. Khoản 3 Điều 6 tách vốn tín dụng chính sách khỏi kinh phí hỗ trợ trực tiếp trong phương án.

33	Trung tâm Phát triển quỹ đất và phường Trị An	Mục 5: trình tự, hồ sơ, đơn vị xác nhận chi phí thực tế đi làm việc ở nước ngoài.	Tiếp thu bằng dẫn chiếu Điều 4, Điều 31, Điều 32 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP. Cơ sở đào tạo, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp cung cấp thông tin, hóa đơn, chứng từ và chịu trách nhiệm theo khoản 8 Điều 7.
34	Trung tâm Phát triển quỹ đất và phường Trị An	Mục 6: phương án đã phê duyệt trước hiệu lực nhưng chưa chi trả hoặc thực hiện dở dang.	Tiếp thu. Điểm a khoản 3 Điều 2 Quyết định bảo lưu nội dung hỗ trợ đã được phê duyệt trong phương án hoặc quyết định hỗ trợ; hồ sơ chưa phê duyệt, hợp đồng tín dụng và hợp đồng đặt hàng được xử lý tại các điểm riêng. Việc điều chỉnh phương án và trường hợp chuyển tiếp đặc thù tuân thủ pháp luật cấp trên.